

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

*Trần Thị Mỹ Ngọc
Trường Đại học Quảng Bình*

Tóm tắt. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là người anh hùng dân tộc mà còn là hiện thân của chủ nghĩa nhân văn cao cả. Trong tình yêu dành cho nhân dân và nhân loại, Người dành những tình cảm đặc biệt cho phụ nữ Việt Nam. Thấu hiểu đặc điểm của xã hội phương Đông vốn “trọng nam, khinh nữ”, quan tâm đến phụ nữ và sự nghiệp giải phóng phụ nữ là một tư tưởng xuyên suốt của Hồ Chí Minh.

Người luôn khẳng định ưu thế, sức mạnh của phụ nữ Việt Nam và quyền bình đẳng về mọi mặt của người phụ nữ trong chế độ mới. Xây dựng công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước trong thời kỳ hội nhập đòi hỏi sự chung vai gánh vác của toàn thể nhân dân trong đó có lực lượng lao động nữ. Mức độ bình đẳng giới còn là chỉ số về một xã hội văn minh. Do vậy, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới góp phần gợi mở nhiều vấn đề trong chủ trương, chính sách để phát huy sức mạnh của phụ nữ Việt Nam vào sự nghiệp đổi mới đất nước.

Từ khóa: Bình đẳng giới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sinh thời, nhà nhân văn chủ nghĩa Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò của phụ nữ nói chung, phụ nữ Việt Nam nói riêng. Với tất cả yêu thương và sự trân trọng những đóng góp thầm lặng của phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, Người đã tặng phụ nữ Việt Nam danh hiệu “anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”. Trong tư tưởng của Người, giải phóng phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới là một nội dung quan trọng trong sự nghiệp giải phóng xã hội, giải phóng con người. Ngày nay, phụ nữ Việt Nam chiếm phân nửa số lượng dân số và lực lượng lao động xã hội. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước không thể thiếu vắng sự đóng góp to lớn của người phụ nữ. Vấn đề là làm thế nào để phát huy vai trò của họ? Một trong những giải pháp phát huy sức mạnh của phụ nữ Việt Nam là phải tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới để hiện thực hóa nó thành những chủ trương, chính sách.

2. NỘI DUNG

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới

Nếu vấn đề giải phóng phụ nữ là nội dung cơ bản trong chính sách xã hội thì bình đẳng giới là gốc rễ của vấn đề này. Hồ Chí Minh từng cho rằng, “phụ nữ chiếm một nửa nhân loại, nói đến phụ nữ là nói đến một nửa xã hội. Nếu phụ nữ chưa được giải phóng thì xã hội chưa được giải phóng. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng xã hội chủ nghĩa chỉ một nửa”. Tuy nhiên, muốn phát huy sức mạnh của “một

nữ nhân loại” này thì phải đặt họ vào vị trí hoàn toàn bình đẳng với nam giới. Chính vì thế, Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Phụ nữ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có quyền bình đẳng với nam giới về các mặt sinh hoạt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình” [5, tr. 705].

Quyền của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị

Theo Hồ Chí Minh, muốn giải phóng phụ nữ thì trước hết phải giải phóng dân tộc. Người lý giải rằng: đàn bà con gái cũng nằm trong nhân dân. Nếu cả dân tộc được tự do thì họ được tự do, ngược lại, nếu dân tộc trong cảnh nô lệ thì họ và con cái họ phải sống trong cảnh nô lệ. Vì thế, người phụ nữ có quyền và cần phải tham gia hoạt động cách mạng. Nhiệm vụ của Đảng cách mạng và cán bộ của Đảng là phải làm công tác giác ngộ chính trị cho phụ nữ, đưa họ gia nhập các tổ chức và hướng dẫn họ tham gia các hoạt động cứu quốc.

Khi đất nước đã được giải phóng, phụ nữ có quyền tham gia bầu cử, ứng cử. Hiện thực hóa chủ trương đó, ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ (3/9/1945), Hồ Chí Minh đã yêu cầu phải nhanh chóng tổ chức cuộc *Tổng tuyển cử* đầu tiên trong lịch sử dân tộc theo nguyên tắc bình đẳng nam nữ. Người nói: “Tất cả công dân trai gái 18 tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống” [3, tr. 7]. Tiếp đó, bản Hiến pháp năm 1946 do Người làm Trưởng ban biên soạn ghi rõ: “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”(Điều 9) [6, tr.10]. Trong lời phát biểu tại phiên họp bế mạc kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh đã vui mừng công bố: “Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập... Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới: Phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân” [3, tr. 491]. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, quyền bình đẳng của Việt Nam được pháp luật công nhận, người phụ nữ có cơ sở pháp lý vững chắc để đảm bảo tự do trong cuộc sống của mình.

Tuân theo Hiến pháp, người phụ nữ Việt Nam cũng có quyền gia nhập đoàn thể, có quyền tự do ngôn luận, đi lại, cư trú và quyền bình đẳng trước pháp luật.... Nếu là người có năng lực, họ hoàn toàn có quyền trở thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý một cách bình đẳng với nam giới.

Bản Hiến pháp năm 1959 do Hồ Chí Minh là Trưởng ban soạn thảo tiếp tục khẳng định và mở rộng quyền bình đẳng của phụ nữ. Tại Điều 24 Chương III Hiến pháp năm 1959 ghi rõ: “Phụ nữ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền bình đẳng với nam giới về các mặt sinh hoạt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình” [6, tr.38 - 39]. Những nguyên tắc hiến pháp quy định trên đã được Hồ Chí Minh chỉ đạo hiện thực hóa trong quá trình lãnh đạo cách mạng. Khi đến thăm lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cấp huyện ngày 18/1/1967, quan sát thấy chỉ có vài cán bộ nữ, Người thẳng thắn phê bình: “Các đồng chí phụ trách lớp học chưa quan tâm

đến việc bồi dưỡng cán bộ nữ... Nhiều người còn đánh giá không đúng khả năng của phụ nữ, hay thành kiến, hẹp hòi. Như vậy là rất sai. Hiện nay, có nhiều phụ nữ tham gia công tác lãnh đạo ở cơ sở. Nhiều người công tác rất giỏi. Có cháu gái làm chủ nhiệm hợp tác xã toàn thôn, không những hăng hái mà còn làm tốt. Các cháu gái ở các hợp tác xã thường có nhiều ưu điểm: ít mắc tệ tham ô, lãng phí, không hay chèn chén, ít hống hách mệnh lệnh như một số cán bộ nam” [5, tr. 275].

Được sự quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phụ nữ Việt Nam đã được bình đẳng với nam giới trong đời sống chính trị. Năm 1960, “số phụ nữ hiện công tác ở các cơ quan trung ương đã có trên 5000 người, ở huyện, xã có hơn 16000 người và các tỉnh có hơn 330 người, đặc biệt trong Quốc hội khóa II này có 53 đại biểu phụ nữ” [4, tr. 639], Quốc hội khóa III trong số 447 đại biểu có 85 đại biểu nữ. Như vậy, số phụ nữ tham gia hoạt động chính trị ngày càng tăng lên. Đó thực sự là một sự đổi đời đối với những người phụ nữ Việt Nam.

Quyền bình đẳng trên lĩnh vực kinh tế

Bình đẳng trong lĩnh vực kinh tế là cần giải phóng sức lao động của phụ nữ, tạo điều kiện để phụ nữ có thể tham gia tích cực trong hoạt động sản xuất và kinh doanh như đàn ông. Hiến pháp năm 1959 quy định: “Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền làm việc” (Điều 30) [6, tr.40], và “Cùng làm việc như nhau, phụ nữ hưởng lương ngang với nam giới” (Điều 24) [6, tr. 39]. Vì thế, công dân Việt Nam bất cứ nam hay nữ đều được quyền xin vào làm việc ở bất cứ ngành nghề nào nếu họ đáp ứng được yêu cầu về nhân lực của ngành nghề ấy. Các cơ quan, xí nghiệp, các sở, ban, ngành không được phân biệt, đối xử giữa người lao động nam và người lao động nữ trong việc tuyển chọn vào làm việc.

Để khắc phục sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ, Hồ Chí Minh không ngừng nhắc nhở các cấp lãnh đạo cần quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ chị em phụ nữ nâng cao trình độ kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ. Người còn yêu cầu các sở, ban, ngành phải lập nhà trẻ, vườn trẻ, nhà ăn để phụ nữ yên tâm công tác. Mặt khác, Người đề nghị ban hành những chế độ chính sách cần thiết để thúc đẩy sự phân bổ, sử dụng lao động nữ một cách hợp lý trên cơ sở tính đến đặc điểm giới tính của họ. Nghị quyết 31 – CP ban hành ngày 8/3/1967 về “Tăng cường lực lượng lao động nữ trong các cơ quan xí nghiệp” đã đáp ứng yêu cầu của Hồ Chí Minh đặt ra. Khi người phụ nữ cũng có công việc, có thu nhập bình đẳng như nam giới, vị thế của họ trong xã hội, trong gia đình sẽ được củng cố.

Sự bình đẳng của phụ nữ còn thể hiện trong lĩnh vực quyền lợi. Hiến pháp năm 1946 ghi rõ: “Tất cả mọi công dân đều ngang quyền về mọi phương diện: Chính trị, kinh tế, văn hóa” (Điều 6) [6, tr. 9] và “Quyền tư hữu tài sản của công dân Việt Nam được đảm bảo” (Điều 12) [6, tr. 10].

Có thể nói, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực kinh tế đã được xác lập. Tỷ lệ lao động là phụ nữ ngày càng tăng lên trong các ngành nghề. Nhận xét về khả năng làm kinh tế của phụ nữ, Hồ Chí Minh khẳng định: phụ nữ là một lực lượng lao động quan trọng trong xã hội, là đội quân chủ lực tạo ra của cải vật chất làm giàu cho đất nước.

Quyền bình đẳng trong lĩnh vực văn hóa

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” [3, tr.7]. Ngay từ đầu cách mạng, Người đã nhìn thấy rõ chỉ có tri thức mới giải phóng con người, đưa con người tới mọi quyền bình đẳng. Để phụ nữ được bình đẳng với nam giới, chỉ có con đường là phụ nữ phải học tập, nâng cao nhận thức và hiểu biết mọi mặt để tham gia vào các hoạt động xã hội, khẳng định vị trí của mình. Ở Việt Nam, do ảnh hưởng của lịch sử để lại, tuyệt đại bộ phận phụ nữ trước đây là mù chữ hoặc có hiểu biết nhưng cũng ở tình trạng rất thấp. Vì thế, trong phong trào *Bình dân học vụ* để xóa nạn mù chữ, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến nữ giới. Trong *Lời kêu gọi chống nạn thất học* tháng 10/1945, Người đã nói: “Phụ nữ lại càng cần phải học, đã lâu chị em bị kìm hãm, đây là lúc các chị em phải cố gắng để kịp nam giới, để xứng đáng mình là một phần tử trong nước” [3, tr. 41].

Hồ Chí Minh đã đề nghị đưa vào Hiến pháp vấn đề bình đẳng nam nữ trong lĩnh vực văn hóa nhằm tạo cơ sở pháp lý bảo vệ quyền lợi của phụ nữ trong lĩnh vực này. Hiến pháp năm 1959 có nêu rõ: “Phụ nữ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền bình đẳng với nam giới về sinh hoạt văn hóa”, có quyền học tập (Điều 33); “Quyền tự do nghiên cứu khoa học, sáng tác văn học, nghệ thuật và tiến hành các hoạt động văn hóa khác” [6, tr. 41]. Được sự quan tâm của Hồ Chí Minh, của Đảng và Nhà nước, phụ nữ Việt Nam đã thoát khỏi kiếp sống tăm tối, u mê mà hàng ngàn, hàng trăm năm trước đây giai cấp phong kiến và thực dân đã phủ lên đầu họ.

Quyền bình đẳng trong gia đình

Trong gia đình, phụ nữ là người đóng vai trò quan trọng nhất, trách nhiệm của họ thật lớn lao. Thế nhưng trong gia đình Việt Nam trước đây, phụ nữ thường bị coi khinh, ngược đãi. Vì vậy, ngay sau khi nước nhà giành được độc lập, Hồ Chí Minh đã tích cực tham gia soạn thảo Hiến pháp và Hiến pháp đầu tiên (1946) của nước ta đã quy định “nam nữ bình đẳng”.

Mặc dù pháp luật đã khẳng định sự bình đẳng nam –nữ nhưng do tàn dư của văn hóa phong kiến, địa vị bình đẳng của phụ nữ trong gia đình nhiều khi vẫn chưa được đảm bảo. Nhiều nơi vẫn còn xảy ra các tệ đánh vợ, chửi vợ, ép duyên con gái... Người đưa ra nhiều ví dụ cụ thể: “Ở Lương Yên (Hà Nội) trong 196 gia đình, thì có 26 người chồng thường đánh mắng vợ, có người đánh vợ bị thương... Ở xã Quảng Lưu (Thanh Hóa), có người nhét tro vào miệng vợ và đánh vợ què tay. Có người cạo trọc đầu và lột hết quần áo vợ, rồi giòng vợ đi bêu rêu khắp thôn xóm...” [4, tr. 705].

Người đặc biệt lên án các hiện tượng bạo lực gia đình và cho đó là một điều đáng xấu hổ. Người kết luận: “Nhu thế thì còn gì là tình nghĩa vợ chồng? Nhu thế là phạm pháp, là cực kỳ dã man” [4, tr.705].

Để bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, Người chỉ đạo xây dựng *Luật hôn nhân gia đình*. Trong *Bài nói tại Hội nghị cán bộ thảo luận dự thảo Luật hôn nhân và gia đình*, Người nói: “Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình. Chính vì muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội mà phải chú ý hạt nhân cho tốt. Tục ngữ ta có câu: “Thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông cũng cạn” [4. tr. 300].

Luật hôn nhân và gia đình khi được ban hành năm 1959 đã quy định rõ: (Điều 13), vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương quý trọng, giúp đỡ nhau tiến bộ, xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc; (Điều 12), trong gia đình vợ chồng đều bình đẳng về mọi mặt; cha mẹ không được hành hạ con cái, không đối xử tàn tệ với con dâu; Sau khi Luật hôn nhân và gia đình được ban hành, Hồ Chí Minh luôn theo dõi và nhắc nhở việc thực hiện nghiêm chỉnh đạo luật đó. Được sự quan tâm của Hồ Chí Minh và sự điều tiết của pháp luật trong việc thực hiện bình đẳng trong gia đình, những tệ nạn cũ (gia trưởng, đánh vợ, chửi vợ, ép duyên...) dần dần giảm bớt. Hầu hết các gia đình thực hiện nếp sống mới, công việc trong gia đình được các thành viên quan tâm chia sẻ, không còn tình trạng trút hết lên đầu phụ nữ.

Như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, vấn đề thực hiện quyền bình đẳng nam nữ đã được đề ra và thực hiện một cách nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

2.2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới vào công cuộc xây dựng đất nước hôm nay

Đứng trước yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vấn đề bình đẳng giới càng trở nên cấp thiết. Kế thừa tư tưởng của Hồ Chí Minh, trong 30 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều giải pháp để phát huy vai trò người phụ nữ trong xã hội. Để vấn đề bình đẳng giới có cơ sở thực hiện, trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều luật và nghị quyết về công tác phụ nữ. *Luật bình đẳng giới* được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2006 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007. Ngày 27/4/2007, Bộ Chính trị đã ban hành nghị quyết số 11/NQ – TW về *Công tác phụ nữ* trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Luật hôn nhân và gia đình đã được chỉnh sửa, bổ sung vào năm 2014 (sửa đổi, bổ sung). Ngày 31/3/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 515/QĐ-TTg phê duyệt *Đề án thực hiện biện pháp bảo đảm bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020*.

Trên cơ sở những chế tài đã có, vấn đề thực hiện bình đẳng giới ở nước ta đã đạt được những kết quả sau.

- Trong lĩnh vực chính trị

Trong thời kỳ đổi mới, mức độ tham gia của phụ nữ vào công tác lãnh đạo, quản lý còn khiêm tốn so với tiềm năng nhưng sự tham gia của phụ nữ vào hoạt động chính trị ngày càng gia tăng.

Trong hơn 15 năm qua, Việt Nam luôn có Phó Chủ tịch nước là phụ nữ. Trong lịch sử 70 năm Quốc hội Việt Nam, năm 2016 lần đầu tiên Quốc hội đã phê chuẩn chức Chủ tịch Quốc hội cho một người phụ nữ. Việt Nam đã có sự tiến bộ đáng kể trong việc tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các cơ quan dân cử, “từ con số 3% nữ đại biểu Quốc hội tham gia khóa I đến tỷ lệ 24,4% của Quốc hội khóa XIII. Tuy vậy, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội ở từng nhiệm kỳ có tăng nhưng chưa thật bền vững. Số nữ đại biểu Quốc hội chiếm 21,77% ở khóa VII, 18% ở khóa VIII, 18,84% ở khóa IX, 26,20% ở khóa X, 24,4% ở khóa XIII. Trong cơ quan dân cử ở địa phương, tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2011-2020 cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là 25,17%, cấp quận, huyện, thị xã là 24,62% và cấp xã, phường, thị trấn là 21,17%...”[8]. Trong Quốc hội khóa XIV, phụ nữ có 133 đại biểu, chiếm tỷ lệ 26.8%.

Dù so với tiềm năng thì tỷ lệ tham gia Quốc hội vẫn còn khiêm tốn nhưng phần nào đã chứng tỏ vai trò quan trọng của phụ nữ trong việc đảm nhận trọng trách trong cơ quan quản lý Nhà nước.

- Trong lĩnh vực kinh tế - lao động

Báo cáo của Tổng cục Thống kê cho thấy, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước tính đến thời điểm 01/01/2016 là 54,61 triệu người, tăng 185 nghìn người so với cùng thời điểm năm 2014, trong đó lao động nam chiếm 51,7%; lao động nữ chiếm 48,3%. Tốc độ tăng thu nhập năm 2013 là cao hơn ở nhóm lao động nữ so với lao động nam, với tỷ lệ tăng tương ứng 14% và 12%, tuy nhiên xu hướng này đã thay đổi trong năm 2014, với tỷ lệ tăng tương ứng là 8,2% và 8,5%. [7, tr.66]. Xu hướng thay đổi tốc độ tăng thu nhập của nam so với nữ năm 2014 không cao.

Nhìn vào cơ cấu ngành thì lực lượng lao động nữ đang chiếm ưu thế ở các ngành nghề như nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngân hàng, marketing, kinh doanh, tổ chức nhân sự, may mặc, thủy sản... Theo báo cáo của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam thì “trong tổng lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên, nữ giới chiếm 48,5%. Trong tổng số lao động làm việc ở các doanh nghiệp (DN) của cả nước, nữ giới chiếm 42,1% (DN Nhà nước 32,1%, DN ngoài Nhà nước 36,3%, DN FDI 66,8%). Tỷ lệ nữ làm việc trong một số ngành chiếm tỷ trọng lớn, như dệt may trên 70%, nông, lâm nghiệp-thủy sản 53,7%, thương mại... Tỷ lệ nữ tham gia quản lý, điều hành DN là hơn 20%, khá cao so với khu vực và thế giới; những DN do phụ nữ làm chủ thường có sự phát triển toàn diện, bền vững hơn và tham gia tốt hơn trong công tác xã hội... Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng của hộ gia đình do nữ làm

chủ hộ cao hơn 22,4% so với con số tương ứng của hộ do nam giới làm chủ hộ”. [Trích nguồn: NCSEIF]. Việt Nam cũng đang phấn đấu đạt mục tiêu tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 35% trở lên vào năm 2020 [8]. Số lượng phụ nữ làm kinh tế giỏi ngày càng gia tăng. Những câu lạc bộ nữ doanh nhân ngày càng kết nạp thêm nhiều gương mặt mới. Không chỉ dừng lại kinh tế hộ gia đình như trong xã hội truyền thống, nhiều phụ nữ đã đảm nhiệm vai trò đứng đầu những công ty, tổng công ty lớn mà phạm vi sản xuất, kinh doanh mở rộng ra ngoài biên giới quốc gia. Với 50,2% tỷ trọng lao động trong sản xuất, phụ nữ Việt Nam đã đóng góp một phần không nhỏ trong tỷ trọng GDP của cả nước.

Quyền bình đẳng của phụ nữ về kinh tế đã được nâng lên thông qua việc pháp luật quy định phụ nữ cùng đứng tên với nam giới trong giấy chứng nhận quyền sở hữu đất đai, nhà ở và tài sản. Cơ hội tiếp cận tín dụng của phụ nữ được cải thiện.

- Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, người phụ nữ phải không ngừng vươn lên tiếp thu tri thức hiện đại để có thể thích ứng với yêu cầu công việc.

Các số liệu gần đây cho thấy đội ngũ nữ trí thức Việt Nam đã có bước trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Cụ thể, “phụ nữ trí thức chiếm tỷ lệ 36,64% trong hoạt động khoa học tự nhiên; 43,42% trong lĩnh vực khoa học nông - lâm - thủy sản; 33% trong khoa học công nghệ; 38,27% trong khoa học xã hội và nhân văn; đã có 6,3% cán bộ phụ trách là nữ; 10% đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước do phụ nữ làm chủ nhiệm” [Trích nguồn: NCSEIF]. Nhiều đề tài nghiên cứu, sáng kiến khoa học của họ đã làm lợi cho đất nước nhiều tỉ đồng. Ngày càng nhiều tập thể và cá nhân các nhà khoa học nữ có công trình nghiên cứu được nhận giải thưởng VIFOTEC của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Bằng lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam, Giải thưởng Kô-va-lép-xkai-a... Để tôn vinh các nhà khoa học nữ, gần 30 năm qua, giải thưởng Kô-va-lép-xkai-a đã trở thành một giải uy tín lớn trong giới khoa học Việt Nam được trao cho hàng chục cá nhân, tập thể. Nhiều nhà khoa học nữ đã lập ra các hội nghề nghiệp, các câu lạc bộ, trung tâm nghiên cứu, tư vấn để tiếp tục phát huy trí tuệ, tài năng của mình đóng góp vào sự nghiệp phát triển đất nước.

- Trong lĩnh vực giáo dục

Trình độ học vấn của nữ giới ngày càng cao. Về giáo dục năm 2013, đã có 59,4% số phụ nữ thành niên đã học xong ít nhất là Trung học cơ sở, so với 71,2% ở nam giới [7, tr.31]. Như vậy, mức độ chênh lệch giữa nam và nữ về giáo dục ở nước ta không nhiều.

Tại Hội nghị biểu dương nữ trí thức tiêu biểu lần thứ nhất, năm 2015, Hội Nữ trí thức Việt Nam đã biểu dương 101 nữ trí thức tiêu biểu, có nhiều đóng góp hiệu

quả trong phát triển kinh tế, xã hội của đất nước nói chung và xây dựng, phát triển Hội Nữ trí thức Việt Nam vững mạnh giai đoạn 2011-2015 nói riêng [10].

Trước hết, phải ghi nhận vai trò, vị thế của nữ trí trong lĩnh vực giáo dục. Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2011-2012 cho thấy: Trong số 59.634 giảng viên đại học có 28.027 nữ (47%); trong 24.437 giảng viên cao đẳng có 13.122 nữ (53,7%) [11]; trong tổng số 1.044.035 nhà giáo trực tiếp đứng lớp, có gần 74% là nữ; nữ đảng viên chiếm 60% tổng số đảng viên toàn ngành [12]. Nhiều nữ nhà giáo đã trở thành giáo viên giỏi, đạt giải cao trong các cuộc thi, các giải thưởng lớn. Đã có 11 nữ nhà giáo vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân và 1.011 nữ nhà giáo được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú [12].

- Trong xây dựng gia đình

Phụ nữ vừa là thành viên của gia đình, vừa là “trung tâm” của gia đình. Trong xây dựng gia đình phụ nữ có những đóng góp quan trọng: góp phần giải quyết hài hòa các mối quan hệ xã hội và gia đình, đảm đương gánh vác cả việc nước lẫn việc nhà, tiếp tục là lực lượng nòng cốt để bảo vệ tổ ấm gia đình trong thời kỳ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

Đáng chú ý là họ đã thể hiện vai trò rõ nét trong xây dựng gia đình theo chuẩn mực no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, phòng chống tệ nạn xã hội từ gia đình.

Tất cả những thành tựu này trên đã minh chứng cho sự nỗ lực không ngừng của phụ nữ Việt Nam cũng như sự quan tâm lớn của Đảng và Nhà nước đến việc thực hiện bình đẳng giới ở nước ta.

Tuy nhiên, tình trạng bất bình đẳng giới còn diễn ra trên một số lĩnh vực, tồn tại dưới một số hình thức khác nhau. Thực tế ở Việt Nam hiện nay, bất bình đẳng giới còn thể hiện trên một số lĩnh vực xã hội quan trọng, phụ nữ vẫn chịu nhiều gánh nặng công việc, thu nhập, phân biệt đối xử... Một trong những vấn đề bất bình đẳng giới là sự tham gia của phụ nữ trong cơ cấu tổ chức, quản lý xã hội còn hạn chế, đặc biệt ở cấp cơ sở. Trong kinh tế, ở một số nơi vấn đề chênh lệch thu nhập giữa nam và nữ cùng một vị trí công việc vẫn diễn ra, cơ hội để phụ nữ tiếp cận những việc làm có thu nhập cao vẫn thấp hơn so với nam giới, lao động nữ chưa được đánh giá cao như lao động nam, là đối tượng dễ bị rủi ro và tổn thương hơn khi doanh nghiệp có nhu cầu cắt giảm nhân lực... Đặc biệt, tình trạng bạo hành phụ nữ vẫn diễn ra ở một số nơi, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi xa xôi. Một số trường hợp phụ nữ bị bạo hành nghiêm trọng mà chưa được chính quyền, người chung quanh bảo vệ. Có những phụ nữ phải âm thầm chịu bạo hành gia đình trong nhiều năm mà không dám tố cáo. Thực trạng này, một phần do nhận thức hạn chế của người dân về luật pháp nên chưa biết tự bảo vệ; một phần, do chế tài xử phạt chưa đủ mạnh nên thiếu sức răn đe. Bên cạnh đó, vấn đề chăm sóc sức khỏe, nhất là sức khỏe sinh sản của phụ nữ ở một số vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận các dịch

vụ y tế. Trong một số trường hợp, việc chăm sóc sức khỏe sinh sản phụ nữ chưa được chú trọng tuyên truyền đúng mức. Không chỉ nam giới, mà bản thân phụ nữ cũng chưa quan tâm sức khỏe sinh sản của chính mình và không áp dụng các biện pháp phòng tránh thai an toàn dẫn tới hậu quả nghiêm trọng. Một số gia đình, dù phụ nữ tham gia đóng góp kinh tế như nam giới nhưng vẫn phải làm nhiều việc nhà hơn và nam giới vẫn thường là người đưa ra các quyết định quan trọng,... Vì thế, bất bình đẳng giới vẫn diễn ra ở một số nơi, trên một số lĩnh vực và phân biệt thời thường vẫn thuộc về phụ nữ.

Có nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan dẫn đến tình trạng bất bình đẳng giới. Trước hết là tỷ lệ sinh chênh lệch giữa nam và nữ đã khiến mức chênh lệch giới trong độ tuổi lao động tăng, dẫn đến sự bất bình đẳng giới trong lao động. “ Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền ở nhiều địa phương, đơn vị về bình đẳng giới, về vai trò, năng lực của phụ nữ còn hạn chế. Định kiến về giới còn tồn tại dai dẳng trong nhận thức chung của xã hội do ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo và tập tục phong kiến lạc hậu từ lâu đời. Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền thiếu quan tâm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác vận động phụ nữ, chưa chủ động nghiên cứu, dự báo và giải quyết kịp thời các vấn đề xã hội phát sinh liên quan tới phụ nữ. Chủ trương công tác cán bộ nữ chưa được quán triệt, thực hiện đầy đủ trong quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng, đề bạt cán bộ. Chính sách chăm lo, bảo vệ bà mẹ, trẻ em, xây dựng gia đình còn nhiều bất cập. Hoạt động của các cấp hội liên hiệp phụ nữ chưa giải quyết tốt một số vấn đề thực tiễn đặt ra, nhất là những vấn đề xã hội bức xúc liên quan tới phụ nữ; việc tham mưu, đề xuất với Đảng và Nhà nước về công tác phụ nữ trong từng thời kỳ còn rất hạn chế. Một bộ phận phụ nữ còn tự ti, an phận, chưa chủ động vượt khó vươn lên ” [8]. Số lượng người làm công tác bình đẳng giới còn thiếu, cộng với hạn chế về kiến thức giới, kỹ năng lồng ghép giới... nên việc tuyên truyền bình đẳng giới còn hạn chế. Cùng với đó là tỷ lệ nghèo, lạc hậu ở một số vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số làm cho lao động nữ không được đến trường học nên chưa biết chữ, từ đó chưa chủ động tham gia hoạt động xã hội, tham gia các tổ chức xã hội nhằm mang lại sự bình đẳng cho chính mình. Cũng phải khẳng định rằng, nhận thức của một số người, đặc biệt là nam giới, còn thiếu tôn trọng phụ nữ, thiếu tôn trọng những giá trị mà phụ nữ mang lại cho cuộc sống. Trong khi đó, nữ giới vẫn phải đảm đương việc gia đình nhiều hơn nam giới. Đáng nói là còn một bộ phận không nhỏ nữ giới chưa nhận thức đầy đủ về quyền được bình đẳng của mình, chấp nhận chịu bạo hành, chịu sự phân biệt đối xử một cách gàn như là hiển nhiên.

Để thực hiện bình đẳng giới tốt hơn trong những năm tới cần tăng cường đẩy mạnh các vấn đề:

Một là, các tổ chức Đảng, chính quyền cần quan tâm hơn nữa đến công tác cán bộ nữ. Phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới.

Hai là, đảm bảo đủ số lượng và nâng cao chất lượng trong công tác tuyên truyền bình đẳng giới từ đó góp phần giáo dục cho phụ nữ có ý thức đấu tranh để bảo vệ quyền lợi của mình. Công tác tuyên truyền phải sát hợp với từng đối tượng, vùng, miền, phát huy được tinh thần làm chủ, tiềm năng, sức sáng tạo và khả năng đóng góp cao nhất của các tầng lớp phụ nữ, góp phần tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để phát triển đất nước; đồng thời phải chăm lo cho phụ nữ tiến bộ về mọi mặt, quan tâm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng để phụ nữ có điều kiện thực hiện tốt vai trò người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người.

Ba là, vấn đề bình đẳng giới là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và từng gia đình. Trong đó, hạt nhân lãnh đạo là các cấp ủy đảng, trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu là cơ quan quản lý nhà nước các cấp, vai trò chủ thể là phụ nữ mà nòng cốt là các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

3. KẾT LUẬN

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vai trò to lớn của phụ nữ Việt Nam ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển của đất nước, phụ nữ Việt Nam cần phát huy hơn nữa những tiềm năng, sức mạnh to lớn của mình để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam và để xứng đáng với những tình cảm sâu nặng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giành cho phụ nữ Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Quốc Bảo (2011), *Đề cương bài giảng chuyên đề Tư tưởng Hồ Chí Minh II*, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
- [2] Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Đà Nẵng (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và thắng lợi của cách mạng Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng.
- [3] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [4] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 12*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 15*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [6] Hiến pháp Việt Nam (1995), *Năm 1946, 1959, 1980, 1992*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2015), *Tăng trưởng vì mọi người Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2015 về tăng trưởng bao trùm*, Nxb Khoa học xã hội.

- [8] Nghị quyết số 11/NQ/TW của Bộ Chính trị (2007), Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- [9] dangcongsan.vn
- [10] hoilhpn.org.vn
- [11] <http://www.most.gov.vn/>
- [12] <http://xaydungdang.org.vn/Home/MagazineStory.aspx?mid=65&mzid=502&ID=1153>, bài “*Phát huy năng lực, trí tuệ của đội ngũ công chức nữ*”, Nguyễn Ngọc Lâm, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Tạp chí Xây dựng đảng số 10 -2013.
- [13] http://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=888, *Luật Hôn nhân và gia đình*, Luật này đã được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà khoá thứ nhất, kỳ họp thứ 11, thông qua trong phiên họp ngày 29 tháng 12 năm 1959.

APPLICATION THOUGHTS ON ISSUES OF HO CHI MINH GENDER EQUALITY IN THE PERIOD PROMOTED CHEMICAL INDUSTRY, MODERNIZATION OF THE COUNTRY

Abstract. *President Ho Chi Minh is not only a national hero but also embodies the lofty humanis. In the great love for the people and humanity , he gave his special feelings for women in Viet Nam. Understanding the characteristics of onental society which “respect men, despite women, having a immense care and interest in women and the emancipation of women is considered as a cross –cutting ideas of Ho Chi Minh.*

He always asserted dominance, the power of women Viet Nam and equal rights in all aspects of women in the new regime. Nowadays, the innovation of our country are going into depth. It requires the joy and warmth of all the people of Viet Nam, in which the female workforce. Moreover, the level of gender equality are also indicators of a civilized society. Research in Ho Chi Minh thoughts on gender equality will contribute to raise more discussions of some problems in policy and policies to promote the strength of more than 45 million women in Viet Nam in the trend of industrialization and modernization of the country.

Keywords: *Gender equality, industrialization, modemization, Ho Chi Minh ideology, manipulate*